

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**THỰC PHẨM NÔNG SẢN**  
**XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	15 - 39
8. Phụ lục	40 - 43

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn và Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Saigon (gọi chung là Tập đoàn).

**Khái quát về Tập đoàn**

**Công ty mẹ**

Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nông sản thực phẩm xuất khẩu TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế số 0301042973, đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 06 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 27 tháng 8 năm 2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 90.000.000.000 VND

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại : (84-8) 3 9 303 186  
Fax : (84-8) 3 9 303 186  
Mã số thuế : 0 3 0 1 0 4 2 9 7 3

**Các đơn vị trực thuộc:**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty thực phẩm nông sản xuất khẩu tại Pleiku	Thôn 5, xã Trà Bá, thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
Xí nghiệp chế biến Nông sản xuất khẩu Sài Gòn	56A quốc lộ 1A, ấp 2, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An
Xí nghiệp chế biến rau quả xuất khẩu Phú Thuận	3024 Phạm Thế Hiển, phường 7, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp chế biến thực phẩm xuất khẩu Tân Thuận	Khu phố 3, Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất thực phẩm và đồ uống;
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (Trừ giường, tủ, bàn, ghế), sản xuất các loại sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất;
- Mua bán, bảo dưỡng xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Mua bán bán và đại lý (trừ xe có động cơ và mô tô, xe máy) : nông thủy sản (không gây ô nhiễm môi trường), thực phẩm và đồ uống (trừ kinh doanh dịch vụ ăn uống), gỗ, đồ gỗ tinh chế, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, hàng kim khí điện máy, máy móc thiết bị văn phòng, máy tính, máy in và các thiết bị ngoại vi của máy vi tính, mua bán máy móc phụ tùng máy nông ngư cơ;
- Các hoạt động liên qua đến bất động sản : cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh nhà ở (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt).



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Công ty con**

Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Saigon hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 1100928386, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2009 và thay đổi lần 03 ngày 19 tháng 6 năm 2009 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Long An cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn	39.960.000.000	99,90
Ông Tô Việt Hà	20.000.000	0,05
Ông Ngô Bình Long	20.000.000	0,05
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô H01 - H02, đường Trung Tâm, khu công nghiệp Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Điện thoại : (84 - 8) 38 728 595 - 38 725 875

Fax : (84 - 8) 38 725 194

E-mail : tt-agr@hcm.fpt.vn

Mã số thuế : 1 1 0 0 9 2 8 3 8 6

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Saigon theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là: Sản xuất, chế biến thực phẩm; Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống và các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh; Lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh và kho khác.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 43).

Trong năm, Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn đã phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 tại ngày 10 tháng 5 năm 2013 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính (5% lợi nhuận sau thuế)	1.327.704.057 VND
- Trích quỹ khen thưởng (5% lợi nhuận sau thuế)	1.067.454.253 VND
- Trích quỹ phúc lợi (2% lợi nhuận sau thuế)	426.981.701 VND
- Trích quỹ hoạt động Hội đồng quản trị (2% lợi nhuận sau thuế)	426.981.701 VND
- Chia cổ tức bổ sung (15% mệnh giá)	13.500.000.000 VND
<b>Cộng</b>	<b>16.749.121.712 VND</b>

Ngoài ra, Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn cũng đã tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 (15% mệnh giá) tương đương 13.500.000.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 21 tháng 5 năm 2013.

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Võ Thị Huyền Lan	Chủ tịch	02 tháng 6 năm 2011	-
Ông Ngô Bình Long	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-
Ông Phạm Hải Long	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-
Bà Võ Thị Mỹ	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-
Bà Nguyễn Thị Bích Nga	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-

**Ban kiểm soát**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Lê Minh Tuấn	Trưởng ban	02 tháng 6 năm 2011	-
Ông Không Văn Minh	Thành viên	02 tháng 6 năm 2011	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	29 tháng 3 năm 2012	-

**Ban Tổng Giám đốc**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Ngô Bình Long	Tổng Giám đốc	21 tháng 08 năm 2009	-
Ông Phạm Hải Long	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 04 năm 2011	-

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

5443  
ĐNG  
NHIỆM  
IÂN V  
&  
T.P

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



**Ngô Bình Long**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 31 tháng 3 năm 2014





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trưng Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0411/2014/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn bao gồm Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn (Công ty mẹ) và Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2014, từ trang 08 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được công ty kiểm toán khác và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 21 tháng 3 năm 2013.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2013-008-1

**Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2014



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>100</b>		<b>166.700.164.821</b>	<b>130.206.710.410</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>20.638.148.931</b>	<b>73.781.772.907</b>
1. Tiền		111		12.638.148.931	4.884.772.907
2. Các khoản tương đương tiền		112		8.000.000.000	68.897.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>120</b>		<b>76.288.000.000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn		121	V.2	76.288.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn		129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>		<b>130</b>		<b>22.141.659.902</b>	<b>21.976.291.725</b>
1. Phải thu của khách hàng		131	V.3	15.670.315.968	20.046.449.884
2. Trả trước cho người bán		132	V.4	2.480.965.798	983.218.474
3. Phải thu nội bộ		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Các khoản phải thu khác		135	V.5	4.368.161.136	1.324.406.367
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi		139		(377.783.000)	(377.783.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>140</b>		<b>39.752.312.356</b>	<b>27.081.006.635</b>
1. Hàng tồn kho		141	V.6	39.752.312.356	27.081.006.635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150</b>		<b>7.880.043.632</b>	<b>7.367.639.143</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.7	1.214.378.030	573.787.751
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		6.298.755.737	5.486.327.874
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154		153.048.650	732.039.556
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		158	V.8	213.861.215	575.483.962

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>173.881.886.875</b>	<b>181.538.904.757</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>70.872.362.400</b>	<b>75.932.658.424</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	32.559.629.508	37.871.516.896
<i>Nguyên giá</i>	222		66.036.479.786	69.688.032.758
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(33.476.850.278)	(31.816.515.862)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	31.686.777.967	32.449.859.330
<i>Nguyên giá</i>	228		35.338.313.500	35.382.103.600
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.651.535.533)	(2.932.244.270)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	6.625.954.925	5.611.282.198
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.12</b>	<b>86.362.909.218</b>	<b>91.029.146.332</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		101.967.617.103	101.433.183.103
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(15.604.707.885)	(10.404.036.711)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>13.794.116.000</b>	<b>13.794.116.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	13.794.116.000	13.794.116.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.852.499.257</b>	<b>782.984.001</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.852.499.257	782.984.001
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>270</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>340.582.051.696</b>	<b>311.745.615.167</b>

15-C  
 TY  
 HỮU HẠN  
 TƯ VẤN  
 CHI

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>66.258.629.215</b>	<b>34.497.079.672</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>59.923.843.522</b>	<b>26.437.611.522</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	10.596.980.027	-
2. Phải trả cho người bán	312	V.16	17.491.474.143	7.673.420.967
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	7.136.630.139	1.883.717.692
4. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	314	V.18	5.673.411.213	3.042.494.671
5. Phải trả người lao động	315	V.19	9.427.476.933	7.722.073.533
6. Chi phí phải trả	316	V.20	849.064.454	990.807.400
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.21	4.825.786.733	2.781.773.070
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	3.923.019.880	2.343.324.189
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.334.785.693</b>	<b>8.059.468.150</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.23	6.334.785.693	6.364.709.840
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	1.694.758.310
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>274.281.852.469</b>	<b>277.207.311.104</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>274.281.852.469</b>	<b>277.207.311.104</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	123.775.000.000	123.775.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	9.912.855.351	9.912.855.351
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	8.332.539.664	6.659.215.828
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	V.24	42.261.457.454	46.860.239.925
11. Nguồn vốn đầu tư, xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỦA CÒ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>V.25</b>	<b>41.570.012</b>	<b>41.224.391</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>340.582.051.696</b>	<b>311.745.615.167</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		442.681,03		167.135,23	
Euro (EUR)		1,23		153,08	
6. Dự toán chi phí hoạt động		-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2014

Trần Nguyên Trân  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hiền  
Kế toán trưởng



Ngô Bình Long  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

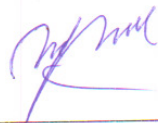
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	349.458.180.685	324.092.960.923
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.1	2.540.410.277	3.479.600.413
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	346.917.770.408	320.613.360.510
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	290.113.670.741	263.778.382.511
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		56.804.099.667	56.834.977.999
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.547.546.257	7.892.833.877
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	741.725.185	225.961.855
Trong đó: chi phí lãi vay	23		44.171.268	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	17.324.107.991	16.188.846.313
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14.217.355.543	14.231.525.613
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.068.457.205	34.081.478.095
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.239.553.147	3.649.921.536
12. Chi phí khác	32	VI.8	119.178.766	385.619.250
13. Lợi nhuận khác	40		3.120.374.381	3.264.302.286
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.188.831.586	37.345.780.381
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	9.150.137.694	9.316.943.682
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.038.693.892</u>	<u>28.028.836.699</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		6.912.396	6.679.752
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		27.031.781.496	28.022.156.947
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>3.004</u>	<u>3.114</u>

N. O.  
 TRÁI  
 TIỀN  
 V. B.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2014



Trần Nguyên Trân  
Người lập biểu



Nguyễn Trọng Hiền  
Kế toán trưởng



Ngô Bình Long  
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		373.132.564.859	331.765.316.302
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(266.242.859.447)	(234.419.037.791)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(53.984.379.512)	(48.235.115.232)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.18	(8.568.247.237)	(7.364.286.785)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		43.492.040.204	20.701.049.584
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(50.023.890.301)	(29.585.725.740)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>37.805.228.566</b>	<b>32.862.200.338</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 11, 12; VII	(2.893.179.546)	(4.939.884.130)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	272.799.091	299.797.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(76.288.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2.691.392.459
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5; VI.3	3.874.588.125	6.394.310.846
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(75.033.792.330)</b>	<b>4.445.616.448</b>

04  
 ÔN  
 NHI  
 DÁN  
 T.1

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

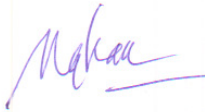
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15	10.596.980.027	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.523.695.706)	(13.709.245.500)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(15.926.715.679)</i>	<i>(13.709.245.500)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(53.155.279.443)</b>	<b>23.598.571.286</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>73.781.772.907</b>	<b>50.181.393.633</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.655.467	1.807.988
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>20.638.148.931</b>	<b>73.781.772.907</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2014


Trần Nguyên Trân  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hiền  
Kế toán trưởngNgô Bình Long  
Tổng Giám đốc


# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn (công ty mẹ) và Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Saigon (Công ty con) (gọi chung là Tập đoàn).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh nhà ở; sản xuất, chế biến thực phẩm.
- Tổng số các công ty con** : 01  
*Trong đó:*  
**Số lượng các công ty con được hợp nhất:** 01

#### 5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>
Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Saigon	Lô H01 - H02, đường Trung Tâm, khu công nghiệp Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.	99,90%	99,90%

- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Tập đoàn có 624 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 582 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất**  
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).





# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Các Công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chứng từ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn (công ty mẹ) và Công ty cổ phần thực phẩm Agrex Sài Gòn (công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.



# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

### 3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh nghiệp vụ mua.

### 4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

### 6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	04- 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06- 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03- 10

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

### 9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc và thiết bị	08- 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08- 10

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẤU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

## 12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

15-L  
CY  
DUH  
TUVA  
CHI

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## 14. Chi phí trả trước dài hạn

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: chi phí sửa chữa, giấy phép bản quyền phần mềm,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 năm.

## 15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

## 16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 17. Nguồn vốn kinh doanh

#### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### 19. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng như sau:

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Tập đoàn
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm của các Công ty trong Tập đoàn.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHÂU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### 21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi các Công ty trong Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012: 21.083 VND/USD  
31/12/2013: 21.079 VND/USD

### 22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### 23. Tài sản tài chính

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## *Các khoản cho vay và phải thu*

Khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

## *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

## *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## **24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

## *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

## *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **25. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## **26. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****27. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	27.290.944	68.128.834
Tiền gửi ngân hàng	12.610.857.987	4.816.644.073
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	8.000.000.000	68.897.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>20.638.148.931</u></b>	<b><u>73.781.772.907</u></b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển TP. Hồ Chí Minh	68.539.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	7.749.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>76.288.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

Khoản tiền gửi với số tiền là 50.504.000.000 VND đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại chính các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.15).

**3. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	6.615.017.205	6.463.888.119
Các khách hàng nước ngoài	9.055.298.763	13.582.561.765
<b>Cộng</b>	<b><u>15.670.315.968</u></b>	<b><u>20.046.449.884</u></b>

**4. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	2.445.078.592	947.906.891
Các nhà cung cấp nước ngoài	35.887.206	35.311.583
<b>Cộng</b>	<b><u>2.480.965.798</u></b>	<b><u>983.218.474</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

498  
 NG T  
 EM H  
 IVAT  
 & C  
 PHO

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lãi tạm tính từ các khoản tiền gửi	3.860.895.204	363.022.871
Phải thu công nhân viên	337.072.958	353.989.400
Phải thu cơ quan bảo hiểm xã hội	-	556.271.698
Các khoản phải thu khác	170.192.974	51.122.398
<b>Cộng</b>	<b><u>4.368.161.136</u></b>	<b><u>1.324.406.367</u></b>

**6. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	24.550.214.436	18.097.326.252
Công cụ, dụng cụ	57.275.166	72.630.303
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	671.979.253	953.853.566
Thành phẩm	13.789.618.394	7.939.146.196
Hàng hóa	683.225.107	18.050.318
<b>Cộng</b>	<b><u>39.752.312.356</u></b>	<b><u>27.081.006.635</u></b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	1.118.719.904	265.816.362
Chi phí dịch vụ	8.249.999	13.849.291
Chi phí sửa chữa	-	146.643.713
Bảo hiểm	12.577.540	59.257.400
Chi phí khác	74.830.587	88.220.985
<b>Cộng</b>	<b><u>1.214.378.030</u></b>	<b><u>573.787.751</u></b>

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	213.861.215	312.245.118
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	263.238.844
<b>Cộng</b>	<b><u>213.861.215</u></b>	<b><u>575.483.962</u></b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	32.097.732.105	23.216.831.630	8.095.236.366	6.278.232.657	69.688.032.758
Mua sắm mới	-	1.653.081.000	-	418.048.183	2.071.129.183
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(27.185.000)	-	-	-	(27.185.000)
Chuyển chi phí trả trước	(303.252.959)	(1.296.993.620)	-	(3.899.256.279)	(5.499.502.858)
Thanh lý, nhượng bán	-	(56.410.966)	(139.583.331)	-	(195.994.297)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>31.767.294.146</u></b>	<b><u>23.516.508.044</u></b>	<b><u>7.955.653.035</u></b>	<b><u>2.797.024.561</u></b>	<b><u>66.036.479.786</u></b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.422.488.558	1.013.126.690	240.611.279	321.323.206	2.997.549.733

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	13.668.448.265	11.805.125.590	3.655.986.398	2.686.955.609	31.816.515.862
Khấu hao trong năm	1.419.275.220	2.114.283.473	456.464.968	1.033.089.990	5.023.113.651
Chuyển sang chi phí trả trước	(276.770.539)	(712.051.853)	-	(2.213.023.983)	(3.201.846.375)
Thanh lý, nhượng bán	-	(27.617.858)	(133.315.002)	-	(160.932.860)
<b>Số cuối năm</b>	<b>14.810.952.946</b>	<b>13.179.739.352</b>	<b>3.979.136.364</b>	<b>1.507.021.616</b>	<b>33.476.850.278</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	18.429.283.840	11.411.706.040	4.439.249.968	3.591.277.048	37.871.515.896
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.956.341.200</b>	<b>10.336.768.692</b>	<b>3.976.516.671</b>	<b>1.290.002.945</b>	<b>32.559.629.508</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	35.112.590.500	269.513.100	35.382.103.600
Chuyển chi phí trả trước	-	(43.790.100)	(43.790.100)
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.112.590.500</b>	<b>225.723.000</b>	<b>35.338.313.500</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	2.810.078.148	122.166.122	2.932.244.270
Khấu hao trong năm	715.693.476	32.519.964	748.213.440
Chuyển chi phí trả trước	-	(28.922.177)	(28.922.177)
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.525.771.624</b>	<b>125.763.909</b>	<b>3.651.535.533</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	32.302.512.352	147.346.978	32.449.859.330
<b>Số cuối năm</b>	<b>31.586.818.876</b>	<b>99.959.091</b>	<b>31.686.777.967</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Dự án Gò Ô Môi - Phú Mỹ	4.099.000.000	-	4.099.000.000
Dự án Võ Văn Tần	-	15.672.727	15.672.727
Dự án Phú Thuận	852.756.198	999.000.000	1.851.756.198
San lấp mặt bằng Long Hậu	659.526.000	-	659.526.000
<b>Cộng</b>	<b>5.611.282.198</b>	<b>1.014.672.727</b>	<b>6.625.954.925</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	71.677.404.616	5.551.108.573	24.170.649.914	34.020.000	101.433.183.103
Tăng trong năm	568.454.000	27.185.000	-	-	595.639.000
Mua sắm mới	568.454.000	-	-	-	568.454.000
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	27.185.000	-	-	27.185.000
Giảm trong năm	-	(27.185.000)	-	-	(27.185.000)
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(27.185.000)	-	(34.020.000)	(61.205.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>72.245.858.616</b>	<b>5.551.108.573</b>	<b>24.170.649.914</b>	<b>-</b>	<b>101.967.617.103</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4.115.993.712	1.316.795.349	4.964.868.960	6.378.750	10.404.036.771
Khấu hao trong năm	2.067.812.397	660.358.074	2.482.434.480	3.898.125	5.214.503.076
Chuyển sang chi phí trả trước	-	(3.555.087)	-	(10.276.875)	(13.831.962)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.183.806.109</b>	<b>1.973.598.336</b>	<b>7.447.303.440</b>	<b>-</b>	<b>15.604.707.885</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	67.561.410.904	4.234.313.224	19.205.780.954	27.641.250	91.029.146.332
<b>Số cuối năm</b>	<b>66.062.052.507</b>	<b>3.577.510.237</b>	<b>16.723.346.474</b>	<b>-</b>	<b>86.362.909.213</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Tại thời điểm cuối năm Tập đoàn chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là tòa nhà văn phòng Agrex Tower tại số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh dùng cho thuê.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	34.537.248.053	34.885.972.310
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	10.417.965.774	10.761.862.965
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	5.467.384.991	6.847.742.146

**13. Đầu tư dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Đầu tư cổ phiếu:</b>				
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	1.636.165	13.724.116.000	1.636.165	13.724.116.000
- Công ty xuất nhập khẩu và đầu tư Việt Nam	4	70.000.000	4	70.000.000
<b>Cộng</b>		<b>13.794.116.000</b>		<b>13.794.116.000</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

H. O.  
 TRÁI  
 TIỀN  
 V. B.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển từ tài sản cố định</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ dụng cụ	135.163.022	147.566.608	2.130.269.419	(148.154.203)	2.264.844.846
Chi phí dịch vụ	115.834.179	31.973.818	-	(87.813.390)	59.994.607
Chi phí sửa chữa	414.129.172	498.332.900	-	(605.005.819)	307.456.253
Chi phí khác	117.857.628	87.478.000	14.867.923	-	220.203.551
<b>Cộng</b>	<b>782.984.001</b>	<b>765.351.326</b>	<b>2.145.137.342</b>	<b>(840.973.412)</b>	<b>2.852.499.257</b>

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng:		
- Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển TP. Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	7.000.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	3.596.980.027	-
<b>Cộng</b>	<b>10.596.980.027</b>	<b>-</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển TP. Hồ Chí Minh bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (xem thuyết minh số V.2).

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh bổ sung vốn lưu động. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp chấp khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (xem thuyết minh số V.2).

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:**

Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	10.596.980.027
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.596.980.027</b>

**16. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	17.077.140.672	7.029.998.225
Các nhà cung cấp nước ngoài	414.333.471	643.422.742
<b>Cộng</b>	<b>17.491.474.143</b>	<b>7.673.420.967</b>

**17. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	271.277.004	210.512.809
Các khách hàng nước ngoài	6.865.353.135	1.673.204.883
<b>Cộng</b>	<b>7.136.630.139</b>	<b>1.883.717.692</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)****18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Thuế được hoàn trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.959.549	1.372.216.964	(1.378.176.513)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	844.953.410	(844.953.410)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1.083.626.361	852.773.796	(759.847.512)	(922.168.878)	254.383.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.642.694.882	9.150.137.694	(8.568.247.237)	-	2.224.585.339
Thuế thu nhập cá nhân	275.208.088	1.284.322.927	(827.136.770)	-	732.394.245
Tiền thuế đất	-	4.202.696.748	(1.740.648.886)	-	2.462.047.862
Các loại thuế khác	35.005.791	339.165.087	(374.170.878)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.042.494.671</b>	<b>18.046.266.626</b>	<b>(14.493.181.206)</b>	<b>(922.168.878)</b>	<b>5.673.411.213</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Các Công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.188.831.586	37.345.780.381
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.362.396.958	2.086.461.772
- Các khoản điều chỉnh giảm	(945.807.400)	(1.584.776.774)
Thu nhập chịu thuế	37.605.421.144	37.847.465.379
Thu nhập miễn thuế	(1.004.870.374)	(579.690.650)
Thu nhập tính thuế	36.600.550.770	37.267.774.729
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>9.150.137.693</b>	<b>9.316.943.682</b>

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 25% xuống còn 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và bằng 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

**Tiền thuế đất**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp tiền thuế đất theo thông báo của Cục thuế.

**Các loại thuế khác**

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

**19. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 năm 2013 phải trả cho nhân viên.

815  
 TY  
 HỮU  
 VÀ TU  
 C  
 HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)****20. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	44.171.268	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng	518.973.799	945.807.400
Chi phí hoa hồng môi giới	180.464.842	
Chi phí phải trả khác	105.454.545	45.000.000
<b>Cộng</b>	<b>849.064.454</b>	<b>990.807.400</b>

**21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	1.504.244.026	1.663.650.341
Phải trả về cổ phần hóa	207.391.893	207.391.893
Nhận ký quỹ	724.474.197	674.474.197
Phải trả cổ tức	506.129.363	24.295.153
Doanh thu chưa thực hiện	1.829.280.875	-
Các khoản phải trả khác	54.266.379	211.961.486
<b>Cộng</b>	<b>4.825.786.733</b>	<b>2.781.773.070</b>

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	1.127.733.963	1.413.074.032	-	(813.350.000)	1.727.457.995
Quỹ phúc lợi	1.215.590.226	1.118.221.258	50.000.000	(190.231.300)	2.193.580.184
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	426.981.701	-	(425.000.000)	1.981.701
<b>Cộng</b>	<b>2.343.324.189</b>	<b>2.958.276.991</b>	<b>50.000.000</b>	<b>(1.428.581.300)</b>	<b>3.923.019.880</b>

**23. Phải trả dài hạn khác**

Nhận ký quỹ dài hạn.

**24. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

***Cổ tức***

Trong năm, Tập đoàn đã trả cổ tức cho các cổ đông là 26.523.695.706 VND (năm trước là 13.709.245.500 VND).

***Cổ phiếu***

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.000.000	9.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**25. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	41.224.391	34.544.639
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	6.912.396	6.679.752
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.036.859)	-
Chia cổ tức	(5.529.916)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>41.570.012</b>	<b>41.224.391</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	349.458.180.685	324.092.960.923
- Doanh thu bán hàng hóa	5.166.376.209	1.473.662.008
- Doanh thu bán thành phẩm	301.992.879.016	279.024.242.614
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	42.298.925.460	43.429.790.626
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	165.265.675
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.540.410.277)	(3.479.600.413)
- Chiết khấu thương mại	(2.314.619.933)	(2.188.223.800)
- Giảm giá hàng bán	(225.790.344)	(1.291.376.613)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>346.917.770.408</b>	<b>320.613.360.510</b>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	5.166.376.209	1.473.662.008
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	299.452.468.739	275.544.642.201
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	42.298.925.460	43.429.790.626
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	-	165.265.675

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	4.741.383.452	5.285.013.282
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp <sup>(i)</sup>	267.869.913.650	243.479.979.467
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	17.502.373.639	15.013.389.762
<b>Cộng</b>	<b>290.113.670.741</b>	<b>263.778.382.511</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất





**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

(0) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	200.666.943.765	181.986.896.909
Chi nhân công trực tiếp	43.052.354.133	37.011.662.913
Chi phí sản xuất chung	29.641.453.637	25.871.459.280
<b>Tổng chi phí sản xuất</b>	<b>273.360.751.535</b>	<b>244.870.019.102</b>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	281.874.313	(668.623.150)
<b>Tổng giá thành sản xuất</b>	<b>273.642.625.848</b>	<b>244.201.395.952</b>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(5.850.472.198)	(454.478.412)
Nhập, xuất khác	77.760.000	(266.938.073)
<b>Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp</b>	<b>267.869.913.650</b>	<b>243.479.979.467</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	50.165.619	13.768.423
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.367.545.084	6.102.457.974
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.004.870.374	579.690.650
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.124.965.180	1.196.916.830
<b>Cộng</b>	<b>8.547.546.257</b>	<b>7.892.833.877</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	44.171.268	-
Lỗ chứng khoán	-	4.981.541
Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	634.547.671	229.559.283
Lỗ do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	63.006.246	267.795.031
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(276.374.000)
<b>Cộng</b>	<b>741.725.185</b>	<b>225.961.855</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.809.351.762	3.973.853.312
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	146.178.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	268.865.020	270.657.796
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.302.534.968	8.293.364.551
Chi phí khác	943.356.241	3.504.791.930
<b>Cộng</b>	<b>17.324.107.991</b>	<b>16.188.846.313</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	9.150.422.009	9.598.833.956
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.823.108	187.845.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.112.511.914	1.104.121.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	243.513.302	397.159.917
Chi phí khác	3.646.085.210	2.943.565.134
<b>Cộng</b>	<b>14.217.355.543</b>	<b>14.231.525.613</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	272.799.091	299.797.273
Thuế được hoàn	1.934.783.437	2.176.233.905
Thu tiền bán vật tư cũ	297.149.630	524.831.429
Xử lý công nợ	106.628.050	376.482.405
Thu nhập khác	628.192.939	272.576.524
<b>Cộng</b>	<b><u>3.239.553.147</u></b>	<b><u>3.649.921.536</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	35.061.437	-
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	48.000.000
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	42.515.228
Vật tư, bao bì	-	273.231.572
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.377.007	-
Chi phí khác	80.740.322	21.872.450
<b>Cộng</b>	<b><u>119.178.766</u></b>	<b><u>385.619.250</u></b>

**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	27.031.781.496	28.022.156.947
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	27.031.781.496	28.022.156.947
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	9.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.004</u></b>	<b><u>3114</u></b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	203.122.073.906	191.838.656.391
Chi phí nhân công	66.906.416.492	52.448.897.942
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.985.830.167	10.747.351.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.662.866.438	25.825.478.843
Chi phí khác	6.727.401.705	9.443.396.385
<b>Cộng</b>	<b><u>322.404.588.708</u></b>	<b><u>290.303.780.790</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước nhà cung cấp mua tài sản cố định	1.240.000.000	81.720.000
Phải trả nhà cung cấp mua tài sản cố định	1.928.436.364	9.080.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

044  
ÔN  
NHIỆ  
DÀN  
8  
-7.1

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch với các bên liên quan

###### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.020.493.839	810.393.019
Tiền thưởng	215.000.000	157.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.235.493.839</u></b>	<b><u>967.893.019</u></b>

##### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ.

###### *Lĩnh vực kinh doanh*

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, kinh doanh nhà ở.
- Lĩnh vực sản xuất, thương mại: Sản xuất, chế biến thực phẩm.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

###### *Khu vực địa lý*

Toàn bộ nhà xưởng của các Công ty trong Tập đoàn được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và xuất khẩu sang các nước khác.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	80.727.522.795	87.952.006.659
Xuất khẩu	266.190.247.613	232.661.353.851
<b>Cộng</b>	<b><u>346.917.770.408</u></b>	<b><u>320.613.360.510</u></b>

##### 3. Số liệu so sánh

Khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu các năm trước được ghi nhận vào thu nhập và tăng khoản đầu tư. Trong năm, Tập đoàn điều chỉnh giảm thu nhập và đầu tư dài hạn cho khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu trong các năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>	<b>Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước</b>			<b>Số liệu sau điều chỉnh</b>
	<b>Mã số</b>	<b>Các điều chỉnh</b>		
Tài sản dài hạn	200	185.222.580.757	(3.683.676.000)	181.538.904.757
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	17.477.792.000	(3.683.676.000)	13.794.116.000
Đầu tư dài hạn khác	258	17.477.792.000	(3.683.676.000)	13.794.116.000
Tổng cộng tài sản	270	315.429.291.167	(3.683.676.000)	311.745.615.167
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	280.890.987.104	(3.683.676.000)	277.207.311.104
Vốn chủ sở hữu	410	280.890.987.104	(3.683.676.000)	277.207.311.104
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	50.543.915.925	(3.683.676.000)	46.860.239.925
Tổng cộng nguồn vốn	440	315.429.291.167	(3.683.676.000)	311.745.615.167

**4. Thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Từ 01 năm trở xuống	13.159.106.436	31.693.774.488
Trên 01 năm đến 05 năm	16.504.265.399	36.595.372.798
<b>Cộng</b>	<b>29.663.371.835</b>	<b>68.289.147.286</b>

**5. Quản lý rủi ro tài chính****Tổng quan**

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.638.148.931	-	20.638.148.931
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	76.288.000.000	-	76.288.000.000
Phải thu khách hàng	14.268.309.485	1.402.006.483	15.670.315.968
Các khoản phải thu khác	4.368.161.136	-	4.368.161.136
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.794.116.000	-	13.794.116.000
<b>Cộng</b>	<b>129.356.735.552</b>	<b>1.402.006.483</b>	<b>130.758.742.035</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.781.772.907	-	73.781.772.907
Phải thu khách hàng	20.046.449.884	-	20.046.449.884
Các khoản phải thu khác	1.031.373.513	-	1.031.373.513
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.794.116.000	-	13.794.116.000
<b>Cộng</b>	<b>108.653.712.304</b>	<b>-</b>	<b>108.653.712.304</b>

Chi tiết thời gian quá hạn của phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quá hạn dưới 6 tháng	1.133.762.002	-
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	241.369.721	-
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	4.065.336	-
Quá hạn trên 2 năm đến 3 năm	21.658.252	-
Quá hạn trên 3 năm	1.151.172	-
<b>Cộng</b>	<b>1.402.006.483</b>	<b>-</b>

### *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất(tiếp theo)**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Vay và nợ	10.596.980.027	-	10.596.980.027
Phải trả người bán	17.491.474.143	-	17.491.474.143
Các khoản phải trả khác	2.133.934.394	6.334.785.693	8.468.720.087
<b>Cộng</b>	<b>30.222.388.564</b>	<b>6.334.785.693</b>	<b>36.557.174.257</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán	7.673.420.967	-	7.673.420.967
Các khoản phải trả khác	1.901.538.236	6.334.785.693	8.236.323.929
<b>Cộng</b>	<b>9.574.959.203</b>	<b>6.334.785.693</b>	<b>15.909.744.896</b>

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>	<u>EUR</u>	<u>USD</u>	<u>EUR</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	442.681,03	1,23	167.135,23	153,08
Phải thu khách hàng	430.466,76	-	652.129,91	-
Phải trả người bán	(19.696,40)	-	(30.892,20)	-
<b>Tài sản thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>853.451,39</b>	<b>1,23</b>	<b>788.372,94</b>	<b>153,08</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

D. N. P.  
TRẢ  
KIỂM  
T. V. B.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 10.596.980.027 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 0 VND).

Tập đoàn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do các khoản đầu tư chứng khoán nhỏ.

### *Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

### *Tài sản đảm bảo*

#### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Tập đoàn cầm cố khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng này (xem thuyết minh số V.2 và V.15). Giá trị sổ sách của tài sản cầm cố tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 50.504.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 0 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

#### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.638.148.931	-	73.781.772.907	-	20.638.148.931	73.781.772.907
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	76.288.000.000	-	-	-	76.288.000.000	-
Phải thu khách hàng	15.670.315.968	(377.783.000)	20.046.449.884	(377.783.000)	15.292.532.968	19.668.666.884
Các khoản phải thu khác	4.368.161.136	-	1.031.373.513	-	4.368.161.136	1.031.373.513
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	13.794.116.000	-	13.794.116.000	-	13.794.116.000	13.794.116.000
<b>Cộng</b>	<b>130.758.742.035</b>	<b>(377.783.000)</b>	<b>108.653.712.304</b>	<b>(377.783.000)</b>	<b>130.380.959.035</b>	<b>108.275.929.304</b>

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	10.596.980.027	-	10.596.980.027
Phải trả người bán	17.491.474.143	7.673.420.967	17.491.474.143	7.673.420.967
Các khoản phải trả khác	8.468.720.087	8.236.323.929	7.372.761.650	6.548.052.829
<b>Cộng</b>	<b>36.557.174.257</b>	<b>15.909.744.896</b>	<b>35.461.215.820</b>	<b>14.221.473.796</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thực phẩm nông sản xuất khẩu Sài Gòn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2014

  
Trần Nguyên Trân  
Người lập biểu

  
Nguyễn Trọng Hiền  
Kế toán trưởng

  
Ngô Bình Long  
Tổng Giám đốc

15-C  
TY  
HỮU HẠI  
TƯ VẤN  
C  
CHÍNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN**

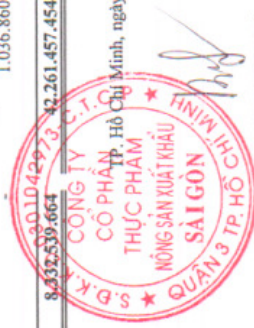
Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 01 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	123.775.000.000	333.610.137	9.912.855.351	5.531.615.787	35.996.092.815	265.549.174.090
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	28.022.156.947	28.022.156.947
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(13.505.210.206)	(13.505.210.206)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	1.246.457.413	(3.659.472.955)	(2.413.015.542)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá đầu năm	-	-	(333.610.137)	-	-	-	(333.610.137)
Chi quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(117.728.112)	-	(117.728.112)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(1.129.260)	6.673.324	5.544.064
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>123.775.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.912.855.351</b>	<b>6.659.215.828</b>	<b>46.860.239.925</b>	<b>277.207.311.104</b>
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	123.775.000.000	-	9.912.855.351	6.659.215.828	46.860.239.925	277.207.311.104
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	27.031.781.496	27.031.781.496
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	1.673.323.836	(4.631.600.827)	(2.958.276.991)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	1.036.860	1.036.860
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>123.775.000.000</b>	<b>-</b>	<b>9.912.855.351</b>	<b>8.332.539.664</b>	<b>42.261.457.454</b>	<b>274.281.852.469</b>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2014

Trần Nguyễn Trần  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hiền  
Kế toán trưởng

Ngô Bình Long  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	Đơn vị tính: VND			
	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực sản xuất, thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	42.298.925.460	304.618.844.948	-	346.917.770.408
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	7.918.955.293	-	(7.918.955.293)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>50.217.880.753</b>	<b>304.618.844.948</b>	<b>(7.918.955.293)</b>	<b>346.917.770.408</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.329.166.830	5.933.469.303	-	25.262.636.133
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				25.262.636.133
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.547.546.257
Doanh thu hoạt động tài chính				(741.725.185)
Chi phí tài chính				3.239.553.147
Thu nhập khác				(119.178.766)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(9.150.137.694)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>27.038.693.892</b>

**Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác**

1.910.025.153

2.509.582.083

4.419.607.236

**Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn**

7.725.422.962

4.101.380.617

11.826.803.579

**Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)**

-

-

-



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực sản xuất, thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	43.429.790.626	277.183.569.884	-	320.613.360.510
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	6.989.257.069	-	(6.989.257.069)	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>50.419.047.695</b>	<b>277.183.569.884</b>	<b>(6.989.257.069)</b>	<b>320.613.360.510</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.568.658.718	4.845.947.355	-	26.414.606.073
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				26.414.606.073
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				7.892.833.877
Doanh thu hoạt động tài chính				(225.961.855)
Chi phí tài chính				3.649.921.536
Thu nhập khác				(385.619.250)
Chi phí khác				(9.316.943.682)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				28.028.836.699
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>28.028.836.699</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.543.526.198</b>	<b>2.254.829.392</b>	<b>-</b>	<b>4.798.355.590</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>7.712.184.242</b>	<b>3.794.383.133</b>	<b>-</b>	<b>11.506.567.375</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>276.374.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>276.374.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM NÔNG SẢN XUẤT KHẨU SÀI GÒN

Địa chỉ: số 58 Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

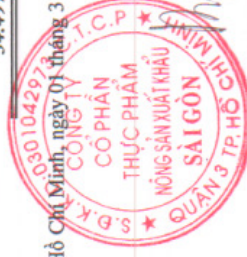
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Số cuối năm	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực sản xuất, thương mại	Các khoản loại trừ	Cộng
Tài sản trực tiếp của bộ phận	169.578.461.688	115.640.746.409	(34.719.272.401)	250.499.935.696
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				90.082.115.999
<b>Tổng tài sản</b>	<b>25.501.501.258</b>	<b>71.552.207.752</b>	<b>(34.718.099.674)</b>	<b>62.335.609.336</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				3.923.019.879
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				66.258.629.215
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>234.534.552.621</b>	<b>95.555.956.062</b>	<b>(32.139.009.516)</b>	<b>297.951.499.167</b>
Số đầu năm				13.794.116.000
Tài sản trực tiếp của bộ phận				311.745.615.167
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				
<b>Tổng tài sản</b>	<b>11.391.695.753</b>	<b>52.899.896.520</b>	<b>(32.137.836.789)</b>	<b>32.153.755.483</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận				2.343.324.189
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				34.497.079.672
<b>Tổng nợ phải trả</b>				

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2014



*(Signature)*

*(Signature)*

Trần Nguyễn Trần  
Người lập biểu

Nguyễn Trọng Hiền  
Kế toán trưởng

Ngô Bình Long  
Tổng Giám đốc

